TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TUY ĐỨC
TỈNH ĐẮK NÔNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 01/2022/DS-ST
Ngày 24 - 01 - 2022
"*V/v tranh chấp hợp đồng tài sản"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY ĐỨC, TỈNH ĐẮK NÔNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Khiêm

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lưu Ngọc Khoa và ông Vũ Đức Minh

Thư ký phiên tòa: Ông Điểu Smi – Thư ký Tòa án

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Ứng – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức, tỉnh Đăk Nông mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số: 220/2020/TLST-DS ngày 22 tháng 12 năm 2020, về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2021/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 10 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số: 24/2021/QĐST-DS ngày 29 tháng 11 năm 2021 Quyết định hoãn phiên tòa số: 25/2021/QĐST-DS ngày 29 tháng 12 năm 2021. Giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Lê Thị N, sinh năm: 1976; Địa chỉ: Ấp B, xã N, huyện C, tỉnh Tiền Giang

Người được nguyên đơn ủy quyền: Anh Phan Long C, sinh năm: 1981; Địa chỉ: Thôn 2, xã Đ, huyện T, tỉnh Đăk Nông – Vắng mặt có xin giải quyết vắng mặt

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Kim L, sinh năm: 1977; Địa chỉ: Thôn 2, xã Q, huyện T, tỉnh Đăk Nông – Vắng mặt có xin giải quyết vắng mặt

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Anh Phan Văn Bé N, sinh năm: 1965; Địa chỉ: Ấp B, xã N, huyện C, tỉnh Tiền Giang

Người được người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ủy quyền: Anh Phan Long C, sinh năm: 1981; Địa chỉ: Thôn 2, xã Đ, huyện T, tỉnh Đăk Nông – Vắng mặt có xin giải quyết vắng mặt

Anh Hoàng Minh T, sinh năm: 1971; Địa chỉ: Thôn 2, xã Q, huyện T, tỉnh Đăk Nông – Vắng mặt có xin giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án của nguyên đơn và người được nguyên đơn ủy quyền trình bày:

Ngày 12/6/2020 chị L vay 200.000.000đ *(Hai trăm triệu đồng)* tiền gốc, không

thỏa thuận lãi suất, thời hạn trả ngày 15/7/2020. Có thỏa thuận đến hạn không trả được thì phải trả lãi suất theo quy định. Ngày 30/8/2020 chị L trả 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) tiền gốc, hẹn đến ngày 30/9/2020 trả số tiền còn lại là 150.000.000đ (một trăm năm mươi triệu đồng) tiến gốc. Đến ngày 19/11/2020 trả 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) tiền gốc, hiện còn 130.000.000đ (*Một trăm ba mươi triệu đồng)* tiền gốc.

Nay yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị L trả chị Nở 130.000.000đ (Một trăm ba mươi triệu đồng) tiền gốc và lãi suất theo mức lãi suất chậm trả, thời điểm tính lãi suất tình từ ngày 21/11/2020 (ngày vi phạm nghĩa vụ trả nợ) đến ngày xét xử sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Số tiền này là chị Nguyễn Thị Kim L nhận nợ với chị Lê Thị N nên chỉ yêu cầu chị L. Ngoài ra không yêu cầu ai khác và cũng không yêu cầu thêm gì.

Theo lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn trình bày: Ngày 12/6/2020 tôi có ký vay chị N 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng) tiền gốc, không thỏa thuận lãi suất, thời hạn trả ngày 15/7/2020. Ngày 30/8/2020 tôi trả 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) tiền gốc, hẹn đến ngày 30/9/2020 trả số tiền còn lại là 150.000.000đ (một trăm năm mươi triệu đồng) tiến gốc. Đến ngày 19/11/2020 trả 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) tiền gốc, hiện còn 130.000.000đ (Một trăm ba mươi triệu đồng) tiền gốc. Nay yêu chị N yêu cầu tôi trả 130.000.000đ (Một trăm ba mươi triệu đồng) tiền gốc tôi đồng ý nhưng hiện tại chưa trả được và yêu cầu trả nhiều lần, về lãi suất không đồng ý vì khi vay không thỏa thuận lãi suất.

Số tiền nay tôi nhận trả thay cho anh T nên tôi có nghĩa vụ trả, đối với anh Hoàng Minh T tôi không yêu cầu giải quyết trong vụ án này, tôi với anh T tự giải quyết, trường hợp không tự gải quyết được tôi sẽ kiện bằng vụ án khác

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Phạm Văn Bé N trình bày: Hiện chị L nợ vợ tôi (N) 130.000.000đ tiền gốc, tôi không liên quan gì đến số tiền này, đề nghị Tòa án giải quyết buộc bà L trả số tiền nợ cho vợ tôi

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Hoàng Minh T trình bày: Ngày 12/6/2020 chị L có ký giấy mượn tiền của bà Nở 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng) tiền gốc, không thỏa thuận lãi suất, thời hạn trả ngày 15/7/2020. Chị L đã trả 70.000.000đ tiền gốc, hiện còn 130.000.000đ (Một trăm ba mươi triệu đồng) tiền gốc, số tiền này chị L nhận trả thay tôi.

Nay yêu chị N yêu cầu chị L trả 130.000.000đ tiền gốc và lãi, tôi yêu cầu giải quyết theo pháp luật

Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn và bị đơn đều thống nhất số tiền gốc còn nợ là 130.000.000.00đ. Tuy nhiên các bên không thỏa thuận được với nhau về thời hạn trả, bị đơn không đồng ý trả lãi suất. Nguyên đơn, bị đơn vẫn giữ nguyên quan điểm của mình và đề nghị giải quyết theo pháp luật.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức:

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đều tuân thủ đúng trình tự, thủ tục theo quy định pháp luật. Hội

đồng xét xử đúng thành phần, xét xử đúng nguyên tắc, người tham gia tố tụng chấp hành quy định của pháp luật.

Về nội dung: Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 147; Điều 227, Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng Dân sự; Điều 275, khoản 1 Điều 351, Điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của của chị Lê Thị N đối với chị Nguyễn Thị Kim L. Buộc chị chị L phải trả chị N số tiền 130.000.000 đồng và lãi suất theo quy định, cụ thể là 130.000.000đ tiền gốc và 15.214.000đ tiền lãi.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả 130.000.000đ tiền gốc và lãi suất, có thỏa thuận thời hạn trả. Tuy nhiên bị đơn vi phạm cam kết trả nợ nguyên đơn có quyền khởi kiện yêu cầu trả số tiền nêu trên, quan hệ pháp luật tranh chấp được xác định là "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Thời điểm khởi kiện chị L là bị đơn trong vụ án có địa chỉ thường trú tại thôn 2, xã Q, huyện T, tỉnh Đắk Nông. Do vậy, tranh chấp này thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về tố tụng: Qúa trình giải quyết các đương sự đều có đơn xin giải quyết vắng mặt, do vậy Tòa án xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Xét yêu cầu của nguyên đơn: Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn thừa nhận có nợ nguyên đơn số tiền gốc là 130.000.000đ nhưng do điều kiện khó khăn nên xin trả cho nguyên đơn làm nhiều đợt. Tuy nhiên nguyên đơn không đồng ý và yêu cầu phải trả toàn bộ số nợ trên một lần. Xét thấy các đương sự đã thống nhất được số tiền phải trả nhưng không thống nhất được thời điểm và phương thức trả nợ nên cần buộc bị đơn trả số tiền gốc là 130.000.000đ theo quy định của pháp luật.

[4]. Về lãi suất: Nguyên đơn yêu cầu theo mức lãi suất chậm trả tính từ ngày 21/11/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm (24/01/2022) theo quy định của pháp luật. Xét thấy, theo giấy vay tiền không thỏa thuận lãi suất, đây được xác định hợp đồng vay không có lãi suất. Tuy nhiên bị đơn trả không đầy đủ nên nguyên đơn có quyền yêu cầu trả lãi suất theo quy định tai khoản 4 Điều 466, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự. Do đó, yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp, về thời điểm tính lãi suất xác định là 21/11/2020 theo yêu cầu của nguyên đơn. Như vậy lãi suất cần áp dụng 10%/năm, tương đương 0,83%/tháng, cụ thể là 14 tháng 03 ngày (từ ngày 21/11/2020 đến ngày 24/01/2022), 130.000.000đ x 0,83% x 14 tháng 03 ngày = 15.213.900đ (làm tròn 15.214.000đ)

Từ những phân tích và đánh giá toàn bộ chứng cứ, tài liệu mà các đương sự cung cấp cho Tòa án, Hội đồng xét xử, xét thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn 130.000.000đ tiền gốc và 15.214.000đ tiền lãi là có căn cứ, đúng pháp luật.

[5]. Đối với anh Hoàng Minh T quá trình giải quyết chị Liên không yêu cầu giải quyết trong vụ án này nên không đề cập; đối với anh Phạm Văn Bé N, quá trình giải quyết anh xác định không liên quan đến số tiền nêu trên nên không đề cập.

[6]. Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên cần buộc bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật; nguyên đơn được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[7]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

[8]. Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức tại phiên tòa là phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147; Điều 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự; Điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thi N đối với chị Nguyễn Thị Kim L

Buộc chị Nguyễn Thị Kim L phải trả cho chị Lê Thị N số tiền 145.214.000đ (*Một trăm bốn mươi lăm triệu hai trăm mười bốn nghìn đồng)*, trong đó 130.000.000đ *(Một trăm ba mươi triệu đồng)* tiền gốc và 15.214.000đ *(Mười lăm triệu hai trăm mươi bốn nghìn đồng)* tiền lãi

Áp dụng Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tính lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo quy định của pháp luật.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Kim L phải nộp 7.261.000 *(Bảy triệu hai trăm sáu mươi mốt nghìn đồng)* tiền án phí Dân sự sơ thẩm; Chị Lê Thị N được nhận lại 3.400.000 đồng (*Ba triệu bốn trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0001365 ngày 22/12/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tuy Đức, tỉnh Đăk Nông.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9

Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự".

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa

(ĐÃ KÝ, ĐÓNG DẤU)

Nguyễn Văn Khiêm

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Tuy Đức;
- Chi cục THADS huyện Tuy Đức;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.